

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23/10/2023

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Huyền

2. Ông Hà Thanh Oai

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ánh Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

****Nguyên đơn: Chị Trần Thị C. Sinh năm 1970.***

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Tổ 4, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi ở hiện nay: F - D – Satraße 1 27432 Bremervöde, Cộng hòa liên bang Đ. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

****Bị đơn: Anh Trần Chiến T. Sinh năm 1971.***

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2023, Bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày:

Ngày 24/7/2019, chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục truyền thống và được UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/7/2019. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng từ năm 2020, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do sống xa cách. Chị và anh T sống ly thân

từ tháng 6/2020 đến nay. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, hai gia đình cùng can thiệp nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hòa giải được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Chiến T

Về con chung: Chị và anh T không có con chung

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặt khác, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hiện nay do tính chất công việc và nơi sinh sống nên chị không thể có mặt trực tiếp tham gia quá trình Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn và đề sớm ổn định cuộc sống, chị ủy quyền anh Cao Thịnh C1 – Sinh năm 1987 (Căn cước công dân số: 006087006039 ngày cấp: 24/6/2021 nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội). Địa chỉ: Số nhà C, Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn đại diện cho chị nộp hồ sơ ly hôn tại Tòa án, tiếp nhận các văn bản tố tụng và nộp án phí, lệ phí theo quy định tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn: Giải quyết vắng mặt chị trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không tiến hành hòa giải theo quy định của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên tòa xét xử vụ án trước các mốc thời gian theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Chiến T trình bày:

Anh nhất trí với nội dung trình bày của chị Trần Thị C về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung cụ thể:

Ngày 24/7/2019 anh và chị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và đã được UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng từ năm 2020, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do sống xa cách. Anh và chị C sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị C, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết cho anh và chị C được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị C không có con chung

Về tài sản chung và nợ chung: Nhất trí với ý kiến của chị C, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định của Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên tòa xét xử vụ án trước các mốc thời gian theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng:

Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn xét xử: Theo thông báo thụ lý vụ án, Tòa án ấn định thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 09 tháng 4 năm 2024 và thời gian mở phiên tòa vào ngày 09/7/2024 là đúng thời hạn quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, các đương sự đã giao nộp đầy đủ tài liệu chứng cứ. Mặt khác các đương sự đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự; tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên tòa xét xử vụ án trước các mốc thời gian theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự để sớm ổn định cuộc sống. Do vậy việc Tòa án mở phiên tòa sớm hơn không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh T không còn nên việc chị C và anh T xin được ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về con chung: Chị C và anh T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn, nguyên đơn trước khi sinh sống và làm việc tại nước ngoài cư trú tại tỉnh Bắc Kạn, hiện nay nguyên đơn đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đ. Do vậy có đủ căn cứ xác định đây là vụ án Hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài. Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại các Điều 28, 37, 39, 469/Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử: Hiện nay nguyên đơn đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết và

xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 478 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Nguyên đơn chị Trần Thị C ủy quyền cho anh Cao Thịnh C1 nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, anh C1 nhất trí với ý kiến của nguyên đơn và cam kết thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nội dung nhận ủy quyền. Do vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn sẽ thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 474/Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về thời hạn giải quyết vụ án: Theo Thông báo thụ lý vụ án, Tòa án ấn định thời gian mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 09/4/2024, thời gian mở phiên tòa vào ngày 09/7/2024 là đúng thời hạn quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều đề nghị Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và mở phiên tòa trước các mốc thời hạn Tòa án đã ấn định. Mặt khác chị C và anh T đều được tiếp cận đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và cũng đã cung cấp cho Tòa án đầy đủ tài liệu, chứng cứ. Do vậy, việc Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy:

Chị C và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống, không vi phạm các điều kiện kết hôn và được UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 24/7/2019. Vì vậy hôn nhân giữa chị C và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng từ năm 2020, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do sống xa cách. Chị C và anh T sống ly thân từ 6/2020 đến nay. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, hai gia đình cùng can thiệp nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hòa giải được với nhau. Cả chị C và anh T đều xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và có nguyện vọng được ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị C là có căn cứ, cần chấp nhận xử cho chị C được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh T đều xác định trong thời kỳ hôn nhân hai anh chị không có con chung. Do vậy HĐXX không xem xét nội dung này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Cả nguyên đơn và bị đơn đều thông nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị C phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 469, Điều 474, Điều 475, Điều 476, khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị C cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C được ly hôn với anh Trần Chiến T

2. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị C đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000051 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh;
- Các đương sự
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn (khi BA có HLPL);
- UBND huyện Chợ Đồn (khi BA có HLPL);
- Lưu tổ HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vi Thị Tuyết Mai